

Bản án số: 04/2020/KDTM - ST
Ngày: 09 - 10 - 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và ông Nguyễn Đức Hồ.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST- KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXX - ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S(SHB)

Địa chỉ: Số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Khắc T - Chức vụ: Chuyên viên cấp 1 Miền Trung, Trung tâm xử lý nợ tại miền Trung, trực thuộc Ban QL&XLN CVĐ

Địa chỉ: Số 215 đường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

(Là người đại diện theo ủy quyền Theo Giấy ủy quyền 386/UQ-TGD ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội).

Bị đơn: - Anh Lê Văn Q, sinh năm 1971(vắng mặt).

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Đều trú tại: xóm X, xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/05/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng SHB) trình bày:

Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018; Ngân hàng SHB cho anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H vay tổng số tiền là 500.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng hải sản.

Ngày 15/08/2018, anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H đã nhận nợ số tiền 500.000.000 VND theo khế ước nhận nợ số 01-232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018 kèm theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là là Quyền sử dụng đất gồm 257.6 m² đất ở; tại Thửa đất số 41; tờ bản đồ số 09 tại xóm 6, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 220006 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 24/07/2017, số vào sổ cấp GCN: CH00926, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Q (CMND số 186001094) và bà Trần Thị H (CMND số 186496886) ngày 09/08/2017.

Sau khi vay vốn anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H chỉ trả được tổng số tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi là 47.176.791 đồng tiền lãi và 798 đồng tiền lãi phạt (tổng cộng đã trả là 47.177.589 đồng). Từ ngày 15/08/2019 đến nay, anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H liên tục vi phạm các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký với SHB không thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho ngân hàng SHB.

Ngân hàng SHB yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

1. Buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng SHB tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/10/2020 là 608.461.573 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.286.035 đồng và tiền lãi quá hạn là 35.132.938 đồng). Từ ngày 10 tháng 10 năm 2020 Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho đến thời điểm thanh toán hết khoản vay.

2. Trường hợp anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án thu hồi, phát mại tài sản bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất gồm 257.6 m² đất ở; tại Thửa đất số 41; tờ bản đồ số 09 tại xóm 6, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An như đã nêu ở trên. Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu chưa đủ số tiền trả nợ cho Ngân hàng SHB thì buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H tiếp tục thực hiện việc trả nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng SHB.

* Tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị H trình bày: chị H và anh Q có ký vay Ngân hàng SHB số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) như lời trình bày của Ngân hàng. Nhưng chị H và anh Q vay số tiền trên cho bà Lê Thị C chứ chị và anh Q không dùng số tiền trên. Nay Ngân hàng yêu cầu chị H và anh Q trả nợ thì chị thống nhất trả nợ nhưng chỉ trả nợ gốc mỗi năm là 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng trong vòng 3 năm đến 5 năm là hết. Còn tiền lãi chị H và anh Q xin miễn cho vợ chồng anh chị vì hiện tại kinh tế chị còn khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định. Đối với tài sản thế chấp thì vợ chồng anh chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo yêu cầu của nguyên đơn gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 41; tờ bản đồ số 09 tại xóm 6, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H. Kết quả phản ánh các tài sản thế chấp này là có thật, hiện trạng thể hiện đúng như trong các hợp đồng thế chấp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký tòa án thực hiện ghi biên bản lấy lời khai, biên bản thẩm định tại chỗ, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn anh Lê Văn Q không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H trả số nợ cho Ngân hàng SHB tại Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/10/2020) là 608.461.573 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.286.035 đồng và tiền lãi quá hạn là 35.132.938 đồng) và tiếp tục tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho đến thời điểm thanh toán hết khoản vay. Trong trường hợp anh Q và chị H không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng SHB thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Về án phí: anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng: do Ngân hàng SHB không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018. Bị đơn có địa chỉ tại xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b

khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong các Hợp đồng và Khế ước nhận nợ. Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn anh Lê Văn Q, nhưng anh Q không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn Q.

[2] Xét nội dung yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán khoản nợ:

Ngân hàng SHB yêu cầu anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H trả khoản nợ đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/10/2020 với tổng số tiền là 608.461.573 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.286.035 đồng và tiền lãi quá hạn là 35.132.938 đồng).

Bị đơn chị Trần Thị H thống nhất trả nợ nhưng đề nghị được trả nợ gốc mỗi năm là 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng và đề nghị được miễn tiền lãi.

Xét yêu cầu và đề nghị của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn (bên cho vay) là Ngân hàng đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay mà hai bên đã ký. Tuy nhiên, về phía bên vay đến hạn thanh toán nhưng anh Q và chị H chỉ trả được một phần tiền lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng SHB phù hợp với các thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, điều chỉnh lãi suất theo biên độ, lãi suất quá hạn; đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật trong hoạt động tín dụng ngân hàng, phù hợp với bảng kê chi tiết được hạch toán trong hệ thống Ngân hàng SHB; phù hợp với các quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Và vì thế không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bị đơn.

Anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/10/2020 là 608.461.573 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.286.035 đồng và tiền lãi quá hạn là 35.132.938 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng SHB trong việc nếu anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018 thì xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 41; tờ bản đồ số 09 tại xóm 6, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng SHB là có căn cứ vì qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp thì thấy: tài sản thế chấp là có thật, hiện trạng thể hiện đúng như hợp đồng thế chấp, việc thế chấp tài sản trên bảo đảm đúng trình tự pháp luật, đúng chủ có tài sản, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng SHB được ký kết theo đúng quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm nên Hợp đồng thế chấp hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên do vậy cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng SHB.

Sau khi anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H trả nợ xong số tiền vay của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018, Ngân hàng SHB phải trả lại cho ông Lê Văn Q và bà Trần Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ cho nghĩa vụ trả nợ thì anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng SHB.

[3]. Về án phí: - Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nay tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu xem xét đối với khoản chi phí đã nộp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 464, 465, 466, Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1.1. Buộc anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H trả nợ cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 232/2018/HĐTDNH-CN/SHB120203 ký ngày 15/08/2018, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/10/2020 tổng số tiền là 608.461.573 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.286.035 đồng và tiền lãi quá hạn là 35.132.938 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trong trường hợp nếu anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thực hiện

nghĩa vụ trả nợ là Quyền sử dụng đất thửa đất số 41; tờ bản đồ số 09 tại xóm 6, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H.

Sau khi anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H trả nợ xong số tiền vay của các Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Sphải trả lại cho anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ cho nghĩa vụ trả nợ thì anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

2. Về án phí:

- Anh Lê Văn Q và chị Trần Thị H phải chịu 23.838.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội số tiền tạm ứng án phí 13.300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004260 ngày 14/08/2020.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Thúy